

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 01-7-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH**

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Văn Cán.

2. Ông Ngô Gia Cảnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Vân Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/2022/TB-TA ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Nh, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Tổ dân phố số 9, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

(Chị Nh và anh Tuấn A vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 4 năm 2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Nh trình bày :**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Tuấn A tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 19 tháng 6 năm 2017. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Thời điểm mâu thuẫn do con còn nhỏ nên chị nhẫn nhịn chịu đựng mong anh Tuấn A thay đổi để vợ chồng cùng nhau làm ăn, nuôi con nhưng anh Tuấn A không thay đổi mà còn thường xuyên nhậu nhẹt rượu chè, có quan hệ bất chính người phụ nữ khác, đánh đập, chửi bới, đe dọa chị. Khoảng tháng 10 năm 2019 anh Tuấn A dẫn một người phụ nữ vào nhà nghỉ, chị bắt được, nói chuyện thì anh Tuấn A chửi mắng và đánh chị ở giữa đường. Sau sự việc xảy ra chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại tỉnh Gia Lai sống. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Tuấn A.

Về con chung: Chị và anh Trần Tuấn A có 01 con chung là Trần Ngọc M, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2016. Ly hôn, chị xin nuôi con, không yêu cầu anh Trần Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh Tuấn A xin nuôi con, có hoặc không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị cũng đồng ý để anh Tuấn A trực tiếp nuôi con.

Về tài sản: Chị và anh Trần Tuấn A không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai đề ngày 17 tháng 5 năm 2022, bị đơn anh Trần Tuấn A trình bày:*** Anh và chị Lê Thị Nh tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 19 tháng 6 năm 2017. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống và làm việc tại tỉnh Gia Lai đến năm 2018 thì về xã B sinh sống. Anh chị chung sống đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Ngày 20 tháng 10 năm 2019 anh và chị Nh mâu thuẫn căng thẳng, chị Nh đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Gia Lai sinh sống. Anh chị ly thân từ đó đến nay. Từ ngày ly thân anh không tìm chị Nh mà chỉ gọi điện nhưng chị Nh chặn số, không liên lạc với anh. Nay chị Nh xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị Nh.

Về con chung: Anh và chị Nh có một con chung là Trần Ngọc M, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2016. Ly hôn anh xin nuôi con, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con vì con chung ở với anh từ khi chị Nh bỏ đi. Hiện anh đang làm tại Công ty TNHH Đầu Tư và dịch vụ HRC tại Nam Định mức lương bình quân

từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/1 tháng. Ngoài ra anh còn được bố mẹ anh hỗ trợ anh trong việc chăm sóc con chung.

Về tài sản: Anh và chị Nh không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 5 năm 2022, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Thượng Xuân, xã B, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (mẹ đẻ anh Trần Tuấn A) trình bày:***

Chị Lê Thị Nh và anh Trần Tuấn A chung sống từ năm 2015 tại tỉnh Gia Lai. Đầu năm 2015 chị Nh mang thai, đầu năm 2016 sinh cháu Trần Ngọc M. Tháng 6 năm 2017, anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh chị tiếp tục sinh sống và làm ăn tại tỉnh Gia Lai, đến năm 2018 anh chị về sinh sống cùng với gia đình bà tại xã B, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn gì không bà không rõ vì anh chị đi làm từ sáng đến tối mới về. Ngày 19 tháng 10 năm 2019, chị Nh và anh Tuấn A có xảy ra cãi nhau, nguyên nhân cụ thể bà không biết. Đến ngày 20 tháng 10 năm 2019 chị Nh bỏ đi, đi đâu bà không rõ nhưng sau đó bà được biết chị Nh bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở Gia Lai sinh sống. Chị Nh và anh Tuấn A sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ ngày ly thân, anh Tuấn A không tìm chị Nh, chị Nh cũng không liên lạc gì với gia đình bà. Nay chị Nh xin ly hôn anh Tuấn A, là mẹ bà không muốn các con phải ly hôn nhưng thực sự chị Nh và anh Tuấn A ly thân đã lâu, không quan tâm gì đến nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nh ly hôn anh Tuấn A để anh Tuấn A ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Lê Thị Nh và anh Trần Tuấn A có 01 con chung là Trần Ngọc M, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2016. Ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho anh Tuấn A nuôi con vì bản thân chị Nh là mẹ nhưng bỏ đi đã lâu, không quan tâm, chăm sóc con chung. Anh Tuấn A có công việc, có thu nhập, có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Anh Tuấn A và cháu M sống cùng gia đình bà, gia đình bà sẽ tiếp tục giúp đỡ anh Tuấn A trong việc chăm sóc con chung.

Về tài sản: Anh Tuấn A và chị Nh không có tài sản chung, không có nợ chung, anh chị không vay nợ tài sản gì của bà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Nh được ly hôn anh Trần Tuấn A.

Về con chung: Anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Nh có 01 con chung là Trần Ngọc M, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2016. Ly hôn, giao cho anh Trần Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Ngọc M, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Nh tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị Nh khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về con chung với anh Trần Tuấn A, anh Trần Tuấn A cư trú tại thôn T, xã Bá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Nh vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Nh và anh Trần Tuấn A được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, tin tưởng nhau. Anh chị sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh Tuấn A và chị Nh đã căng thẳng, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lê Thị Nh được ly hôn anh Trần Tuấn A.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Nh và anh Trần Tuấn A có một con chung là Trần Ngọc M, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2016. Ly hôn chị Lê Thị Nh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Trường hợp anh Trần Tuấn A có nguyện vọng nuôi con, yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con hoặc không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chị cũng đồng ý. Anh Trần Tuấn A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của chị Nh và anh Tuấn A, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh Tuấn A không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản: Chị Lê Thị Nh và anh Trần Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Lê Thị Nh tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Nh và anh Trần Tuấn A có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Nh và anh Trần Tuấn A.
2. Về con chung: Chị Lê Thị Nh và anh Trần Tuấn A có 01 con chung là Trần Ngọc M, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2016. Giao cho anh Trần Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Ngọc M. Anh Tuấn A không yêu cầu chị Lê Thị Nh cấp dưỡng nuôi con. Chị Lê Thị Nh có quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Lê Thị Nh và anh Trần Tuấn A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.
3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Nh tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền thu tạm ứng án phí tại biên lai số 0001166 ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Học thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Nh và anh Trần Tuấn A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (GCNKH số 31 ngày 19 tháng 6 năm 2017);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. (GCN số 07; Quyền số 01 ngày 12 tháng 03 năm 2003);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

